

Bản án số: 153/2019/KDTM-ST  
Ngày: 26-9-2019  
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Trúc Ly.
2. Bà Trịnh Thị Phương Châm.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3380/2019/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3812/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn C.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường D, xã E, huyện F, tỉnh Long An.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Phan Anh V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 231/57/30 đường B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 081 ngày 10/12/2018).

**2. Bị đơn:** Công ty cổ phần D.

Địa chỉ trụ sở chính: đường G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:**

Ông Đỗ Khắc B, sinh năm 1964, địa chỉ: đường J, phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Dương Hoa P, sinh năm 1974, địa chỉ: Đường M, phường N, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Anh V- người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12 tháng 9 năm 2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) có ký kết hợp đồng mua bán bê tông số 059.16.SCG-HĐKT, theo đó Công ty Đ đồng ý giao cho Công ty C sản xuất và cung cấp bê tông tươi phục vụ cho công trình Nhà tang lễ, thị xã X, tỉnh Bình Dương, đơn giá hợp đồng: Bê tông thường Mác 150 là 1.100.000 đồng/m<sup>3</sup>, bê tông thường Mác 250: 1.200.000 đồng/m<sup>3</sup>; đơn giá bơm bê tông: > 25m<sup>3</sup> là 100.000 đồng/m<sup>3</sup>, ≤ 25m<sup>3</sup> là 2.500.000 đồng/ca.

Công ty C đã thực hiện theo đúng các đơn đặt hàng, cung cấp đầy đủ bê tông theo yêu cầu của Công ty Đ và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho toàn bộ hàng hóa đã bán nhưng Công ty Đ không thực hiện thanh toán theo quy định của hợp đồng. Khối lượng bê tông nguyên đơn đã cung cấp theo các đơn đặt hàng của bị đơn có tổng giá trị là 1.233.200.990 đồng tương ứng với 34 hóa đơn giá trị gia tăng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 909.798.998 đồng, trong đó đã thanh toán hoàn tất của 33 hóa đơn giá trị gia tăng. Riêng hóa đơn giá trị gia tăng số 0000578 ngày 07 tháng 4 năm 2017 có giá trị là 349.919.999 đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 26.518.007 đồng, hiện còn nợ số tiền 323.401.992 đồng.

Tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2019, Công ty Đ còn nợ Công ty C số tiền 323.401.992 đồng. Công ty C đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng Công ty Đ không thanh toán. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Đ thanh toán số tiền là 323.401.992 đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền còn nợ.

*\* Bị đơn là Công ty cổ phần Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân Quận 1 nhưng đều vắng mặt mà không có lý do và không có yêu cầu.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp

hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 323.401.992 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Công ty trách nhiệm hữu hạn C (sau đây gọi tắt là Công ty Cốt liệu và Bê tông) có đơn khởi kiện Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) yêu cầu thanh toán số tiền mua bán bê tông còn nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán bê tông số 059.16.SCG-HĐKT ngày 12 tháng 9 năm 2016, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề ngày 24 tháng 9 năm 2019 yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền mua bán bê tông còn nợ là 323.401.992 đồng.

[3] Xét, cơ sở nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 323.401.992 đồng là căn cứ trên hợp đồng mua bán bê tông số 059.16.SCG-HĐKT được nguyên đơn và bị đơn giao kết vào ngày 12 tháng 9 năm 2016. Việc ký kết hợp

đồng đã được hai bên tuân thủ đúng pháp luật về hợp đồng. Sau khi cung cấp bê tông cho bị đơn, căn cứ vào các biên bản xác nhận khối lượng bê tông, nguyên đơn sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng và bị đơn căn cứ các hóa đơn này để thanh toán tiền.

[4] Căn cứ các biên bản xác nhận khối lượng bê tông và các hóa đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định nguyên đơn đã cung cấp khối lượng bê tông theo các đơn đặt hàng của bị đơn với tổng giá trị là 1.233.200.990 đồng tương ứng với 34 hóa đơn giá trị gia tăng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 909.798.998 đồng, trong đó đã thanh toán hoàn tất của 33 hóa đơn giá trị gia tăng. Riêng hóa đơn giá trị gia tăng số 0000578 ngày 07 tháng 4 năm 2017 có giá trị là 349.919.999 đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 26.518.007 đồng, hiện còn nợ số tiền 323.401.992 đồng.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền còn nợ là 323.401.992 đồng cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các điều 24, 34, 50 và 55 Luật Thương mại năm 2005, Điều 5 của Hợp đồng mua bán bê tông số 059.16.SCG-HĐKT ngày 12 tháng 9 năm 2016 giữa Công ty C và Công ty Đ, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 323.401.992 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ khi nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000578 ngày 07 tháng 4 năm 2017 cho đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 323.401.992 đồng chưa thanh toán, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền này ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối với việc thanh toán tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền còn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 24, 34, 50, 55 Luật Thương mại năm 2005;

- Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C số tiền còn nợ là 323.401.992 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm lẻ một nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2019 cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.170.100 đồng (Mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn một trăm đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.085.050 đồng (Tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0007078 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,**

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyết**